

PHỤ LỤC
CÁC LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG CỦA CHI CỤC THỦY SẢN TỈNH NINH BÌNH
ĐƯỢC CÔNG BỐ PHÙ HỢP TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TS ngày tháng 10 năm 2022
của Chi cục trưởng Chi cục Thủy sản)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ghi chú
I. Thủ tục theo mô hình hệ thống quản lý chất lượng				
1.	Chính sách chất lượng	CSCCL	03	
2.	Mục tiêu chất lượng	MTCL	03	
3.	Bản mô tả mô hình Hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn quốc gia TCVN ISO 9001:2015	BMT	03	
4.	Quy trình kiểm soát thông tin dạng văn bản (tài liệu và hồ sơ)	QT-01	03	
5.	Quy trình quản lý rủi ro và cơ hội	QT-02	03	
6.	Quy trình đánh giá nội bộ hệ thống quản lý chất lượng	QT-03	03	
7.	Quy trình kiểm soát sự không phù hợp và hành động khắc phục	QT-04	03	
II. Quy trình giải quyết TTHC				
1. Lĩnh vực Nuôi trồng thủy sản				
8.	Quy trình cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất, ương dưỡng giống thủy sản (trừ giống thủy sản bố mẹ)	QT-01/TS	03	
9.	Quy trình cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện sản xuất thức ăn thủy sản, sản phẩm xử lý môi trường nuôi trồng thủy sản (trừ nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài)	QT-02/TS	03	
10.	Quy trình cấp phép nuôi trồng thủy sản trên biển cho tổ chức, cá nhân Việt Nam (trên phạm vi 6 hải lý)	QT-03/TS	03	
11.	Quy trình cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện nuôi trồng thủy sản (theo yêu cầu)	QT-04/TS	03	
12.	Quy trình cấp, cấp lại giấy xác nhận đăng ký nuôi trồng thủy sản lồng bè, đối tượng thủy sản nuôi chủ lực	QT-05/TS	03	
13.	Quy trình xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc nuôi trồng	QT-06/TS	03	
2. Lĩnh vực Khai thác và bảo vệ nguồn lợi thủy sản				
14.	Quy trình công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	QT-07/TS	03	
15.	Quy trình sửa đổi, bổ sung nội dung quyết định công nhận và giao quyền quản lý cho tổ chức cộng đồng (thuộc địa bàn từ hai huyện trở lên)	QT-08/TS	03	
16.	Quy trình xác nhận nguồn gốc loài thủy sản thuộc	QT-09/TS	03	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ghi chú
	phụ lục Công ước quốc tế về buôn bán các loài động vật, thực vật hoang dã nguy cấp; loài thủy sản nguy cấp, quý, hiếm có nguồn gốc khai thác từ tự nhiên			
17.	Quy trình cấp, cấp lại giấy phép khai thác thủy sản	QT-10/TS	03	
18.	Quy trình cấp, cấp lại giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện đóng mới, cải hoán tàu cá	QT-11/TS	03	
19.	Quy trình cấp văn bản chấp thuận đóng mới, cải hoán, thuê, mua tàu cá trên biển	QT-12/TS	03	
20.	Quy trình cấp, cấp lại giấy chứng nhận nguồn gốc thủy sản khai thác (theo yêu cầu)	QT-13/TS	03	
21.	Quy trình cấp giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	QT-14/TS	03	
22.	Quy trình cấp lại giấy chứng nhận đăng ký tàu cá	QT-15/TS	03	
23.	Quy trình cấp giấy chứng nhận đăng ký tạm thời tàu cá	QT-16/TS	03	
24.	Quy trình xóa đăng ký tàu cá	QT-17/TS	03	
25.	Quy trình hỗ trợ một lần sau đầu tư đóng mới tàu cá	QT-18/TS	03	
26.	Quy trình công bố mở cảng cá loại 2	QT-19/TS	03	
27.	Quy trình cấp giấy chứng nhận thẩm định thiết kế tàu cá	QT-20/TS	03	
28.	Quy trình cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật tàu cá	QT-21/TS	03	
29.	Quy trình xác nhận nguyên liệu thủy sản khai thác trong nước (theo yêu cầu)	QT-22/TS	03	
3. Lĩnh vực Quản lý chất lượng nông lâm sản và thủy sản				
30.	Quy trình cấp giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông lâm thủy sản	QT-23/TS	03	
31.	Quy trình cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp trước 06 tháng tính đến ngày Giấy chứng nhận an toàn thực phẩm hết hạn)	QT-24/TS	03	
32.	Quy trình cấp lại Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm đối với cơ sở sản xuất, kinh doanh nông, lâm, thủy sản (trường hợp Giấy chứng nhận vẫn còn thời hạn hiệu lực nhưng bị mất, bị hỏng, thất lạc hoặc có sự thay đổi, bổ sung thông tin trên giấy chứng nhận)	QT-25/TS	03	
4. Lĩnh vực Khoa học, Công nghệ và Môi trường				
33.	Quy trình đăng ký công bố hợp quy đối với các sản phẩm, hàng hóa sản xuất trong nước được quản lý bởi các quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành	QT-26/TS	02	
5. Lĩnh vực Lâm nghiệp				
34.	Quy trình đăng ký mã số cơ sở nuôi, trồng các loài	QT-27/TS	01	

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Lần ban hành	Ghi chú
	động vật rừng nguy cấp, quý, hiếm Nhóm II và động vật, thực vật hoang dã nguy cấp thuộc Phụ lục II và III CITES			
III. Quy trình nội bộ				
35.	Quy trình quản lý công tác văn thư	QT-01/HCTH	03	
36.	Quy trình mua sắm và quản lý tài sản, thiết bị văn phòng	QT-02/HCTH	03	